

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan Phương và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 10 thị trấn X, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng D (tên gọi khác: Nguyễn Hồng D), sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 10 thị trấn X, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị và anh Vũ Mạnh T đăng ký kết hôn ngày 08/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Trước đó, khoảng tháng 6/2016, chị và anh T đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau ngày cưới chị và anh T thuê nhà

sống ở thành phố H được khoảng 1 năm thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh T ở thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính cách, thường xuyên bất đồng quan điểm, cả hai vợ chồng đều không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn. Anh T không chịu tu chí làm ăn, mãi chơi, không quan tâm đến suy nghĩ của chị, chị dần dần mất niềm tin đối với anh T. Đặc biệt kể từ khi chị và anh T chuyển về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn vì chị không thích nghi được với cuộc sống mới, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến ngày 18/3/2018 mẹ đẻ đã đến đón chị về quê, kể từ đó chị và anh T sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về đoàn tụ được, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Vũ Mạnh T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị N trình bày là chính xác. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định: thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi vợ chồng chuyển về chung sống tại nhà bố mẹ anh ở thôn B, xã C, huyện N thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N không thích nghi được với môi trường sống, cách sống của gia đình anh, dẫn tới vợ chồng có những bất đồng trong cách ứng xử cũng như công việc trong gia đình. Đến ngày 18/3/2018, chị N theo mẹ đẻ về quê, sau đó gửi thư điện tử trách móc và đòi ly hôn với anh, kể từ đó vợ chồng sống ly thân. Do công việc bận, lại phải chăm con nhỏ, nên anh không đến để nói chuyện trực tiếp với chị N được. Nay chị N xin ly hôn, anh T xác định giữ người ở chứ không giữ được người đi, nhưng anh muốn suy nghĩ thêm về việc ly hôn nên chưa quyết định được.

Về con chung: Chị N, anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Như B, sinh ngày 21/10/2016. Hiện tại con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N, anh T đều thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Như B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng D - mẹ đẻ chị N trình bày: Sau khi chị N, anh T kết hôn chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mãi chơi điện tử, không chịu khó làm ăn, không quan tâm

đến suy nghĩ của vợ con và chị N cũng không thích nghi được với cuộc sống nhà anh T; Nhiều lần chị N gọi điện thoại cho bà và có những lời lẽ thể hiện suy nghĩ tiêu cực. Nên tháng 3/2018, bà đã đến đón chị N về nhà mình sống. Sau đó chị N không muốn về chung sống với anh T nữa vì vậy đã cắt liên lạc qua điện thoại với anh T. Bà và gia đình cũng không muốn vợ chồng các con phải chia tay nên đã động viên vợ chồng suy nghĩ kỹ trước khi quyết định, nhưng chị N cương quyết đòi xin ly hôn vì xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa. Về con chung bà đề nghị giao cháu B cho anh Trình tiếp tục nuôi dưỡng, vì hiện tại chị N sức khỏe yếu, lại chưa có công việc ổn định.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày; Anh T xác định nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được và đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Vũ Mạnh T; Về con chung: Xử giao cho anh Vũ Mạnh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N, bị đơn anh Vũ Mạnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và đã có đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau ngày 08/11/2016 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, do vậy hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ứng xử trong gia đình, cũng như trong làm ăn kinh tế, dẫn tới thường xảy ra cãi cọ, xúc phạm, mất niềm tin ở nhau. Từ tháng 3/2018 chị N đã về nhà nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị N, anh T không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T, tại biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2018 (BL29) và đơn xin xét xử vắng mặt (BL45) anh T xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị N ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N, anh T có 01 con chung là Vũ Như B, sinh ngày 21/10/2016, hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh T đều thống nhất quan điểm giao con chung Vũ Như B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đề nghị của chị N, anh T là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung, do đó HĐXX căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao con chung Vũ Như B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng N ly hôn anh Vũ Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Như B, sinh ngày 21/10/2016 cho anh Vũ Mạnh T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0002231 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy